

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Giao thông vận tải; Chuyên ngành: Tổ chức và quản lý giao thông vận tải

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: TRỊNH TÚ ANH

2. Ngày tháng năm sinh: 01/09/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): B10-7; Chung cư 360C Bến Vân Đồn, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Viện Đô thị thông minh và Quản lý, Số 232/6 Võ Thị Sáu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0909 758 919;

E-mail: trinhtuanh@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 09 năm 2000 đến tháng 02 năm 2007: Giảng viên tập sự, Giảng viên Khoa Vận tải kinh tế, Trường Đại học Giao thông vận tải, Hà Nội.
- Từ tháng 03 năm 2007 đến tháng 10 năm 2010: Giảng viên, Khoa Vận tải, Học viện Hàng không Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ tháng 11 năm 2010 đến tháng 12 năm 2013: Giảng viên, Phụ trách khoa Cảng Hàng không, Học viện Hàng không Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 08 năm 2014: Giảng viên, bộ môn Quy hoạch Vùng và Đô thị, Khoa Kỹ thuật công trình, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ tháng 09 năm 2014 đến tháng 05 năm 2020: Giảng viên, trưởng bộ môn Quy hoạch Vùng và Đô thị, Khoa Kỹ thuật công trình, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ tháng 06 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020: Giảng viên, Viện trưởng Viện Đô thị thông minh và Quản lý, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ 12/2020 đến nay: Giảng viên chính, Viện trưởng Viện Đô thị thông minh và Quản lý, Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức vụ: Hiện nay: Viện trưởng Viện Đô thị thông minh và Quản lý; Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Đô thị thông minh và Quản lý, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ quan: Số 59C Nguyễn Đình Chiểu, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại cơ quan: +84.28.38295299

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 16 tháng 07 năm 2000; số văn bằng: 0256002; ngành: Kinh tế vận tải, chuyên ngành: Kinh tế vận tải hàng không; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Giao thông Vận tải, Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 03 năm 2003; số văn bằng: không có; ngành: Kỹ thuật Giao thông; chuyên ngành: không có; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Học viện Công nghệ Á Châu, Thái Lan.

- Được cấp bằng TS ngày 25 tháng 04 năm 2013; số văn bằng: 0827826; ngành: Khoa học Giao thông; chuyên ngành: không có; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Hasselt, Vương Quốc Bỉ. Giấy công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng), Bộ Giáo dục và Đào tạo Số 002190/CNVB-TS ngày 18 tháng 9 năm 2013.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Giao thông vận tải.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong vai trò là giảng viên và kiêm nhiệm quản lý, bản thân ứng viên luôn nỗ lực đưa ra các giải pháp hữu ích để nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý của đơn vị nhằm thích ứng linh hoạt với xu hướng phát triển của đất nước cũng như tiệm cận với sự phát triển của quốc tế. Ứng viên luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của việc kết hợp giữa nghiên cứu khoa học, giảng dạy và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào công tác giảng dạy, công tác quản lý được phân công. Ứng viên đã tập trung theo 02 hướng nghiên cứu chính, trong đó hướng nghiên cứu 1 là nền tảng để nghiên cứu hướng 2, hai hướng này có liên quan chặt chẽ: (1) Kinh tế vận tải hàng không và quản lý giao thông đô thị (2) An toàn giao thông đường bộ.

Dưới tác động của khoa học công nghệ, biến đổi khí hậu và nhiều yếu tố khác, các ngành nghề, doanh nghiệp và việc làm mới xuất hiện ngày càng nhiều, bên cạnh đó các vấn đề xảy ra trong các thành phố, đô thị ngày càng lớn và phức tạp. Để đáp ứng nhu cầu xã hội cũng như giải quyết các vấn đề của thực tiễn, hoạt động đào tạo, nghiên cứu đa ngành, liên ngành và xuyên ngành trở thành một trong những hướng đi của nhiều trường đại học trên thế giới và Việt Nam, và cũng chính là yêu cầu nghiên cứu mới đối với các giảng viên. Chính vì vậy trong từng hướng nghiên cứu chính của mình, ứng viên cũng đã mở rộng nghiên cứu để góp phần đáp ứng các yêu cầu gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong đó Kinh tế vận tải hàng không và quản lý giao thông đô thị là nền tảng quan trọng để đưa ra các nghiên cứu tích hợp hướng tới phát triển đô thị thông minh; An toàn giao thông đường bộ và thay đổi hành vi tham gia giao thông là trọng tâm để có các nghiên cứu phát triển bền vững nhằm giải quyết các vấn đề của đô thị một cách tích hợp, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân hướng tới mục tiêu giảm thiểu phát thải carbon, bảo vệ môi trường và hành động bền vững. Hơn nữa, các hướng nghiên cứu tích hợp này cũng góp phần đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong tình hình mới.

*** Hướng nghiên cứu 1: Kinh tế vận tải hàng không và quản lý giao thông đô thị**

Đây là hướng nghiên cứu chủ đạo và xuyên suốt của ứng viên từ bậc đại học đến tiến sĩ và sau này, gắn liền với công việc chuyên môn. Đầu tiên, hướng nghiên cứu này tập trung nghiên cứu kinh tế vận tải hàng không và khai thác cảng hàng không, tác động của nó tới sự phát triển của thành phố; quản lý giao thông đô thị bao gồm phân tích và phát triển giao thông công cộng (buýt, metro...) phân tích các mô hình lựa chọn phương thức/tiện trong giao thông, phân tích tác động của vận tải tới ô nhiễm, tắc nghẽn giao thông, phát triển giao thông không động cơ và giảm thiểu sử dụng phương tiện vận tải cá nhân. Ứng viên nhận thấy việc hiểu rõ những vấn đề cơ bản này là rất quan trọng để có thể phân tích sâu hơn về mối liên hệ giữa giao thông và phát triển đô thị thông minh.

Hơn thế nữa xung đột giao thông trong đô thị, phát triển giao thông đi bộ, giao thông công cộng, tác động của ngập lụt đô thị, mô phỏng tác động của giao thông và cảnh quan trong công tác thiết kế, quy hoạch tích hợp và quy hoạch thành phố thông minh thông qua

mô hình “Living Lab” - một mô hình đổi mới sáng tạo kết hợp giữa lý thuyết và thực nghiệm, cho phép ứng viên quan sát và đánh giá trực tiếp tác động của các vấn đề giao thông (va chạm, thiết kế hình học của đường xá, xói lở của cơ sở hạ tầng, phát triển giao thông đi bộ, giao thông công cộng...) trong thực tế đối với quá trình phát triển đô thị. Từ đó, ứng viên đã xây dựng một mô hình phát triển cho phát triển đô thị thông minh, lấy giải quyết các vấn đề giao thông là trọng tâm. Đây là một hướng nghiên cứu toàn diện và liên ngành, kết hợp các khía cạnh từ khoa học, kỹ thuật, thiết kế quy hoạch và phát triển thành phố. Hướng nghiên cứu này có giá trị lớn khi lấy quản lý giao thông đô thị là trọng tâm, từ đó lan tỏa tác động tới lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị thông minh, góp phần giải quyết những thách thức cấp bách mà các thành phố đang phải đối mặt. Kết quả theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Bài báo khoa học và báo cáo khoa học
 - Số lượng: 18 bài viết
 - Số thứ tự trong Mẫu 1 tại Mục 7.1.a là: [2], [3], [5], [11], [14], [16], [17], [23], [25], [26], [28], [29], [33], [34], [36], [38], [39], [40]. Trong đó, bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ:
 - Số lượng: 02
 - Số thứ tự trong Mẫu 1 tại Mục 7.1.a là: [11], [17]
- Sách phục vụ đào tạo
 - Số lượng: 02
 - Số thứ tự trong Mẫu 1 tại Mục 5 là: [1], [2]
- Đề tài nghiên cứu khoa học
 - Số lượng: 03
 - Số thứ tự trong Mẫu 1 tại Mục 6 là: [1], [2], [3]
- Hướng dẫn học viên cao học
 - Số lượng: 04 HVCH
 - Số thứ tự trong Mẫu 1 tại Mục 4 là: [2], [4], [5], [6]

*** Hướng nghiên cứu 2: An toàn giao thông đường bộ**

Hướng nghiên cứu 2 này tập trung vào việc nghiên cứu sâu về an toàn giao thông đường bộ như xây dựng mô hình dự báo các điểm đen tai nạn giao thông, an toàn vận chuyển buýt, đánh giá các mức độ an toàn giao thông tại các khu vực... Từ đó ứng viên thấy rằng đề nghiên cứu và các đề xuất an toàn giao thông đường bộ, nghiên cứu hành vi tham gia giao thông của các nhóm đối tượng khác nhau, ở các bối cảnh phát triển khác nhau là hết sức quan trọng. Các nghiên cứu phân tích, đánh giá và dự báo mức độ an toàn trong tham gia giao thông, từ đó đề xuất các chương trình thay đổi hành vi hiệu quả, dựa trên các mô hình dự báo, mô hình mô phỏng và lựa chọn. Ứng dụng các công nghệ tiên tiến như thực tế ảo (VR), trò chơi hóa (gamification) giúp cải thiện hiệu quả thái độ và hành vi tham gia giao thông, giúp đối tượng nghiên cứu tương tác tốt hơn và an toàn hơn với môi trường giao

thông được mô phỏng thông qua giáo dục trực tuyến (e-learning, VR). Các giải pháp và mô hình được phát triển từ những nghiên cứu này được đề xuất ứng dụng vào các mô hình phát triển giáo dục thông minh, góp phần thay đổi hành vi tham gia giao thông và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân hướng đến phát triển bền vững. Chính những tác động tích cực này, với vai trò là người giảng viên trong nhiều năm của mình, ứng viên đã mạnh dạn nghiên cứu mở rộng giữa nghiên cứu hành vi thay đổi của đối tượng học tới các phương pháp giáo dục trong các dự án, đề án, nghiên cứu thực tế để giải quyết các vấn đề trong đô thị như giao thông, quy hoạch và thiết kế tích hợp hướng tới phát triển bền vững và đề xuất mô hình phát triển bền vững lấy trọng tâm là giáo dục bền vững, đại học bền vững. Kết quả theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- Bài báo khoa học và báo cáo khoa học
 - Số lượng: 22 bài viết
 - Số thứ tự trong Mẫu 1 tại Phần B - Mục 7.1.a là: [1], [4], [6], [7], [8], [9], [10], [12], [13], [15], [18], [19], [20], [21], [22], [24], [27], [30], [31], [32], [35], [37]. Trong đó, bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ:
 - Số lượng: 05
 - Số thứ tự trong Mẫu 1 tại Phần B - Mục 7.1.a là: [8], [10], [12], [15], [22]
- Hướng dẫn học viên cao học
 - Số lượng: 02 HVCH
 - Số thứ tự trong Mẫu 1 tại Phần B - Mục 4 là: [1], [3]

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03 đề tài, trong đó: Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Thành phố và 01 đề tài cấp Tỉnh.
- Đã công bố 40 bài báo và báo cáo khoa học, trong đó ứng viên là tác giả chính sau tiến sĩ của 07 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 02, trong đó có 01 sách chuyên khảo và 01 sách tham khảo.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Loại khen thưởng đạt được	Văn bản tham chiếu	Người ký quyết định
1	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2021 - 2022	Quyết định số 1505/QĐ-ĐHKT-QTNL ban hành ngày	Hiệu trưởng - GS.TS. Sử Đình

		09/06/2022	Thành
2	Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2020 - 2021 đến năm học 2021 - 2022	Quyết định số 662/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 08/03/2023	Thứ trưởng Bộ GDĐT - Ngô Thị Minh
3	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2022 - 2023	Quyết định số 714/QĐ-ĐHKT-QTNL ban hành ngày 17/03/2023	Hiệu trưởng - GS.TS. Sử Đình Thành
4	Danh hiệu Cán bộ quản lý của năm 2023	Quyết định số 1014/QĐ-ĐHKT-QTNL ban hành ngày 21/03/2024	Giám đốc UEH - GS.TS.Sử Đình Thành
5	Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2023 - 2024	Quyết định số 1427/QĐ-ĐHKT-QTNL ban hành ngày 19/04/2024	Giám đốc UEH - GS.TS.Sử Đình Thành

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): *không có*.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong hơn 20 năm làm việc trong môi trường giáo dục, với vai trò là giảng viên ứng viên luôn rèn luyện và tu dưỡng đạo đức phẩm chất của người làm nghề giáo. Đồng thời nỗ lực không ngừng học hỏi và nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Trường, Khoa và Bộ môn giao phó như: tham gia giảng dạy các bậc đào tạo đại học, thạc sĩ; tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học với vai trò là chủ nhiệm đề tài hoặc thành viên các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh, cấp cơ sở. Bên cạnh đó, ứng viên đã tham gia các dự án nghiên cứu hợp tác với các tổ chức, đơn vị trong và ngoài nước với vai trò là chủ nhiệm đề tài hoặc thành viên nghiên cứu chính. Ngoài ra, ứng viên cũng đã tham gia viết sách tham khảo và giáo trình phục vụ đào tạo với vai trò là chủ biên. Ứng viên cũng đã thực hiện nghiên cứu khoa học và công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế.

Về phẩm chất đạo đức: Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, và là nhà giáo, ứng viên luôn nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành tốt các nội quy, quy chế, quy định của Nhà Trường và địa phương cư trú, gương mẫu và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao; gắn bó và chia sẻ hỗ trợ đồng nghiệp, bạn bè; gần gũi và thân thiện với sinh viên.

Về công tác giảng dạy: Tham gia giảng dạy bậc đào tạo đại học, thạc sĩ các ngành Kinh tế vận tải hàng không, Tổ chức và quản lý vận tải đường bộ và thành phố, Vận tải hàng không, Quản trị cảng hàng không, Khoa học giao thông, Quy hoạch vùng và đô thị, Kiến trúc và Thiết kế đô thị thông minh, và Quản lý công với các môn như: Khai thác cảng hàng không, Quy hoạch giao thông, An toàn giao thông ở các nước đang phát triển (Road Safety in the South), Quản lý hệ thống giao thông, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch giao thông đô thị

và cơ sở hạ tầng ; tham gia hướng dẫn đồ án tốt nghiệp đại học và hướng dẫn luận văn cao học. Bên cạnh đó, ứng viên còn tham gia xây dựng, phát triển, điều chỉnh các chương trình đào tạo, đề cương môn học, học liệu số, thư viện đề thi.

Về nghiên cứu khoa học: nhận thức rõ tầm quan trọng của việc gắn liền nghiên cứu khoa học với công tác giảng dạy, ứng viên đã chủ trì và là thành viên của các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh/Thành phố và cấp Cơ sở. Các đề tài đã thực hiện đúng thời hạn yêu cầu và đạt kết quả. Bên cạnh đó, ứng viên là chủ biên của một số giáo trình, sách tham khảo nhằm phục vụ công tác đào tạo. Ngoài ra, ứng viên cũng thực hiện nghiên cứu khoa học và công bố các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước và quốc tế. Trong đó, có các bài báo được xuất bản trên những tạp chí khoa học quốc tế có uy tín trong danh mục ISI/Scopus.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 10 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018	-	-	-	03 ĐATN	420	-	420/481/216
2	2018-2019	-	-	-	04 ĐATN	165	-	165/251/216
3	2019-2020	-	-	-	03 ĐATN	240	-	240/313,75/216
03 năm học cuối								
4	2021-2022	-	-	-	2	315	135	450/529,5/135
5	2022-2023	-	-	1	-	45	270	315/470/135
6	2023-2024	-	-	1	-	360	270	630/785/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

Ngoài quy định trên, theo văn bản hướng dẫn của cơ sở giáo dục đại học còn có các thông tin sau:

- Từ năm học 2017-2018 đến 2019-2020, thông tin về thời gian, kết quả tham gia đào tạo của Ứng viên đã được Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng xác nhận theo Giấy xác nhận ngày 27 tháng 05 năm 2024.
- Từ năm học 2020-2021 đến 2023-2024, thông tin về thời gian, kết quả tham gia đào tạo của Ứng viên đã được Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận theo Giấy xác nhận số 01/ĐHKT-TCKT-QTNL ban hành ngày 20 tháng 05 năm 2024.
- Ngoài ra, ứng viên còn tham gia hướng dẫn thành công 03 HVCH của Trường Đại học Kiến Trúc Thành phố Hồ Chí Minh và 01 HVCH của Đại học Hasselt, Bỉ.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước Thái Lan năm 2003

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Vương quốc Bỉ năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

- Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam theo Giấy chứng nhận số 06/ĐHKT-ĐT ngày 20 tháng 05 năm 2024.
- Trường Đại học Hasselt, Vương quốc Bỉ theo thư xác nhận của Trường Đại học Hasselt.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/C K2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/C K2/BSNT	Chính	Phụ			
1.	Phạm Nguyễn Hoài		HVCH		x	Từ tháng 11/2018 đến tháng 06/2019	Đại học Hasselt	Số văn bằng: 1747187/139608 ngày 28/06/2019

2.	Trần Hồng Ngọc		HVCH	x		Từ tháng 12/2020 đến tháng 05/2021	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	Số văn bằng: UAH-14009319 ngày 30/05/2022 Quyết định số 485/QĐ-ĐHKT ngày 30/05/2022
3.	Ngô Minh Hoàng		HVCH	x		Từ tháng 03/2021 đến tháng 12/2022	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Số văn bằng: 008846 ngày 11/04/2023 Quyết định số 1028/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 11/04/2023
4.	Đỗ Thị Như Mai		HVCH	x		Từ tháng 12/2022 đến tháng 10/2023	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Số văn bằng: 011450 ngày 05/01/2024 Quyết định số 79/QĐ-ĐHKT-ĐTSDH ngày 05/01/2024
5.	Thái Anh Vũ		HVCH	x		Từ tháng 01/2023 đến tháng 06/2023	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	Số văn bằng: UAH-14009479 ngày 09/01/2024 Quyết định số 22/QĐ-ĐHKT ngày 09/01/2024
6.	Đặng Gia Quyền		HVCH	x		Từ tháng 01/2023 đến tháng 06/2023	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	Số văn bằng: UAH-14009488 ngày 09/01/2024 Quyết định số 22/QĐ-ĐHKT ngày 09/02/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

❖ Các luận văn hướng dẫn học viên cao học đã kê khai được thực hiện tương ứng với các hướng nghiên cứu sau:

▪ Hướng nghiên cứu 1 gồm có 04 học viên cao học, cụ thể như sau:

- Số thứ tự [2], tên luận văn “Đề xuất các giải pháp quản lý giao thông đô thị theo hướng "Smart Mobility" cho thành phố Vũng Tàu”.
- Số thứ tự [4], tên luận văn “Phân tích các yếu tố công nghệ thông minh ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách du lịch tại thành phố Vũng Tàu”.
- Số thứ tự [5], tên luận văn “Nghiên cứu tái phát triển khu vực đất nâu tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh”.

- Số thứ tự [6], tên luận văn “Quản lý giao thông thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo định hướng phát triển giao thông thông minh”.
- Hướng nghiên cứu 2 gồm có 02 học viên cao học, cụ thể như sau:
 - Số thứ tự [1], tên luận văn “An Application of Gamified E-Learning Design Process Model to Improve Road Safety Education in Vietnam”.
 - Số thứ tự [3], tên luận văn “Đánh giá sự hài lòng của học sinh khi học trực tuyến - Tình huống: Học an toàn giao thông trên nền tảng Route2School”.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phân biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1.	Living Lab - Mô hình tương lai để phát triển thành phố bền vững và thông minh	CK	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 (ISBN: 978-604-346-265-4)	11	Trịnh Tú Anh	Từ trang 32 đến trang 78; Từ trang 106 đến trang 109	Giấy xác nhận số 07/ĐHKT-NCPTGCTC ngày 20/05/2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
2.	Sổ tay hướng dẫn xây dựng và phát triển Mô hình Living Lab	TK	Nhà xuất bản Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, 2024 (ISBN: 978-604-346-307-1)	5	Trịnh Tú Anh	Từ trang 01 đến trang 55	Giấy xác nhận Số 07/ĐHKT-NCPTGCTC ngày 20/05/2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phân ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang.... (ví dụ: 17-56; 145-329).

Các sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên được kê khai tương ứng với các hướng nghiên cứu như sau:

- Hướng nghiên cứu 1: gồm 02 sách, trong đó 01 sách chuyên khảo có số thứ tự [1] và 01 sách tham khảo có số thứ tự [2].

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1.	Định hướng và kiểm soát phát triển không gian kiến trúc các biệt thự cũ trong khu trung tâm đô thị hiện hữu tại Thành phố Hồ Chí Minh	CN	Đề tài cấp Thành phố - Mã số 2017-276	06/08/2015 - 25/08/2016	Nghiệm thu ngày 16/11/2016 - Xếp loại kết quả Đạt
2.	Xây dựng mô hình Living Lab cho khu đô thị tương tác cao phía Đông thành phố	CN	Đề tài cấp Thành phố - Mã số: 2023-1625	29/12/2022 - 29/08/2023	Nghiệm thu ngày 11/09/2023 - Xếp loại kết quả Đạt
3.	Xây dựng đề án thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương	CN	Đề tài cấp tỉnh, 05/2024/TTU D-KQĐT-5	22/08/2023- 13/3/2024	Nghiệm thu ngày 19/03/2024 - Xếp loại kết quả Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã kê khai được thực hiện tương ứng với các hướng nghiên cứu sau:

- Hướng nghiên cứu 1: gồm 03 đề tài có số thứ tự [1], [2], [3].

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
I.1	Bài công bố trên Tạp chí khoa học quốc tế							
1.	Bus Accident - A Problem In Public Transport In Hanoi Today https://doi.org/10.11175/easts.7.2665	2	X	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation			Tập 7; Tháng trang 2665-2673	Tháng 12 năm 2007

				Studies (ISSN: 1881-1124)				
2.	Improving Quality Of Passenger Service In Vietnam Airlines https://doi.org/10.11175/easts.7.3160	2	X	Journal of the Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1124)			Tập 7; trang 3160-3169	Tháng 12 năm 2007
I.2 Bài công bố trên Tạp chí khoa học trong nước								
I.3 Bài công bố trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế								
3.	Analyzing of bus service in Hanoi, Vietnam https://www.easts.info/online/proceedings_05.htm	3	X	Proceedings of the Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1132)			Tập 5; trang 352-362	2005
4.	Conflict technique applied to traffic safety on the model corridor of Ha Noi https://www.easts.info/online/proceedings_05.htm	2		Proceedings of the Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1132)			Tập 5; trang 1875 - 1890	2005
5.	Development Planning For Metro System In Hochiminh City https://doi.org/10.11175/eastpro.2007.0.231.0	2		Proceedings of the Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1132)			Tập 6, mã 231	Tháng 04 năm 2008
6.	Analysis Of Road Safety Situation In Hochiminh City https://doi.org/10.11175/eastpro.2009.0.356.0	2	X	Proceedings of the Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1132)			Tập 7, mã 356	Tháng 08 năm 2010
7.	Building Probability Model To Identify Hot Spot in Binh Thanh District, Hochiminh City https://doi.org/10.11175/eastpro.2011.0.369.0	1	X	Proceedings of the Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1132)			Tập 8, mã 369	Tháng 09 năm 2011

I.4 Bài công bố trên Kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước							
II Sau khi được công nhận TS							
II.1 Bài công bố trên Tạp chí khoa học quốc tế							
8.	An investigation of illegal direction change behavior of road users using behavioral models https://doi.org/10.11175/easts.10.2325	4	X	Journal of Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1124)		Tập 10; trang 2325-2343	Tháng 12 năm 2013
9.	Psychological determinants of motorcycle helmet use among young adults in Cambodia https://doi.org/10.1016/j.trf.2014.08.002	6		Transportation Research Part F: Traffic Psychology and Behaviour (ISSN: 1873-5517)	ISI (SSCI), Scopus (IF: 4,1; Q1)	Tập 16, phần A, trang 273-290	Tháng 09 năm 2014
10.	Motorbike Driver's Decision Models for Drinking and Driving Behavior https://doi.org/10.11175/easts.11.2055	2	X	Journal of Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1124)		Tập 11; trang 2055-2069	Tháng 12 năm 2015
11.	Mode Choice for Tourist: A Case Study in Vietnam https://doi.org/10.11175/easts.12.724	2	X	Journal of Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1124)		Tập 12; trang 724-737	2017
12.	Determination of Optimal Social-Cognitive Factors for the Analysis of Speeding Behaviors in Mixed-Traffic Environments https://doi.org/10.11175/easts.12.1884	1	X	Journal of Eastern Asia Society for Transportation Studies (ISSN: 1881-1124)		Tập 12; trang 1884-1903	2017
13.	Research-by-design framework for integrating education and research in an intercultural parallel design studio. https://doi.org/10.1016/j.foar.2019.01.001	6		Frontiers of Architectural Research (ISSN: 2095-2643)	ISI (A&HC I), Scopus (IF 3,5; Q1)	Tập 8, số 3, trang 406-414	Tháng 09 năm 2019

14.	Flood-resilient urban parks: Toward a framework. https://doi.org/10.1111/area.12543	3		Area (ISSN: 1475-4762)	ISI (SSCI), Scopus (IF: 2,44; Q1)		Tập 51, số 4, trang 804- 815	Tháng 03 năm 2019
15.	Teaching and Research to Address Flooding Issues in Ho Chi Minh City https://doi.org/10.3280/TR2021-099022	5	X	Territorio (ISSN: 2239-6330)	Scopus (IF: 0,14; Q2)		Tập 99, trang 179- 187	2021
16.	Factors Affecting Quality of Working Life: A Study On Front-line Employees In Vietnamese Aviation Sector https://doi.org/10.1016/j.trpro.2021.09.014	4		Transportation Research Procedia (ISSN: 2352-1465)	Scopus (IF:2,0; Q3)		Tập 56, trang 118- 126	2021
17.	Air Transport Centrality as a Driver of Sustainable Regional Growth: A Case of Vietnam https://doi.org/10.3390/su14159746	5	X	Sustainability (ISSN: 2071- 1050)	ISI (SSCI), Scopus (IF: 3,9; Q1)		Tập 14, số 15, mã 9746	Tháng 08 năm 2022
18.	An Expectancy-Value approach to investigate socio-cognitive determinants of speeding among adolescent powered two-wheeled riders in Vietnam https://doi.org/10.1080/17457300.2023.2258851	6		International Journal of Injury Control and Safety Promotion (ISSN: 1745- 7319)	ISI (SSCI, IF: 2,3)		Tập 31, số 1, trang 61-71	Tháng 09 năm 2023
19.	Implementation of a gamified e- learning platform focusing on traffic knowledge and skills among Vietnamese adolescents. https://doi.org/10.56261/built.v21.248560	6		International Journal of Building, Urban, Interior and Landscape Technology (BUILT) (ISSN: 2258-9194)			Tập 21, số 1, trang 35-45	Tháng 06 năm 2023

20.	Identification Of Beliefs Determining Wrong Lane Riding Intentions Among Vietnamese Adolescent Two-Wheeled Riders: An Expectancy-Value Approach https://doi.org/10.1016/j.jsr.2023.04.002	6		Journal of Safety Research (ISSN: 1879-1247)	ISI (SSCI), Scopus (IF: 4,1, Q1)		Tập 85, trang 348- 360	Tháng 04 năm 2023
21.	A Study of Students' Perceptions toward the Use of Gamification in Traffic Safety Education in Ho Chi Minh City, Vietnam https://doi.org/10.56261/built.v21.248671	5		International Journal of Building, Urban, Interior and Landscape Technology (BUILT) (ISSN: 2258-9194)			Tập 21, số 1, trang 19-34	Tháng 06 năm 2023
22.	Towards A Sustainable University Transition Model For Emerging Markets https://doi.org/10.1080/23311975.2023.2272372	5	X	Cogent Business & Management (ISSN: 2331- 1975)	ISI (ESCI), Scopus (IF: 3,0; Q2)		Tập 10, số 3, mã 227237 2	Tháng 10 năm 2023
23.	Geo-spatial Analysis of Transit Planning for Sustainable Tourism Development in Bangkok, Thailand https://doi.org/10.1080/13467581.2024.2366808	4		Journal of Asian Architecture and Building Engineering (ISSN: 1347- 2852)	ISI (A&HC I), Scopus (IF 1,3; Q1)		Thuộc nhóm "Latest articles ", trang 1-12	Tháng 6 năm 2024
24.	Investigating the Immediate and Mid-term Effect of a Gamified E-learning Platform for the Enhancement of Traffic Knowledge and Skills among Vietnamese Adolescents Operating Powered Two- Wheelers https://doi.org/10.1016/j.jsr.2024.06.005	6		Journal of Safety Research (ISSN: 0022-4375)	ISI (SSCI), Scopus (IF: 4,1, Q1)		Tập 90, trang 62-72	Tháng 6 năm 2024
II.2 Bài công bố trên Tạp chí khoa học trong nước								
25.	Xây dựng mô hình đo lường sự hài lòng của nhân viên trong	2	X	Tạp chí khoa học trường Đại học Mở TP.HCM			Tập 10, số 1,	Tháng 12

	công việc tại cảng hàng không - Sân bay Pleiku https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/794			(ISSN: 2734-9306)			trang 42-49	năm 2014
26.	Phân tích hành vi lựa chọn phương thức vận tải của hành khách liên tỉnh https://tapchigiaothong.vn/phan-tich-hanh-vi-lua-chon-phuong-thuc-van-tai-cua-hanh-khach-lien-tinh-18313771.htm	1	X	Tạp chí Giao thông vận tải (ISSN: 2615-9791)			Số 8; trang 87-90	Tháng 08 năm 2015
27.	Tư duy thiết kế trong giáo dục an toàn giao thông cho học sinh trung học phổ thông tại Thành phố Hồ Chí Minh https://doi.org/10.46223/HCMC OUJS.soci.vi.18.2.3011.2023	6	X	Tạp chí khoa học trường Đại học Mở TP.HCM- Khoa học xã hội (ISSN: 2734-9349)			Tập 18, số 2, trang 45-62	Tháng 12 năm 2023
28.	Living Lab: bài học quốc tế và đề xuất cho Việt Nam https://doi.org/10.46223/HCMC OUJS.econ.vi.19.5.2886.2024	5	X	Tạp chí khoa học trường Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và quản trị kinh doanh (ISSN: 2734-9306)			Tập 19, số 5, trang 3-16	Tháng 04 năm 2024
29.	Ứng dụng và phát triển nghiên cứu công nghệ đại dương cho Việt Nam	3	X	Tạp chí Công thương (ISSN: 0866-7757)			Số 4, trang 16-23	Tháng 03 năm 2024
II.3 Bài công bố trên Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế								
30.	Motorcycle Helmet Usage among Children Passengers: Role of Parents as Promoter. https://doi.org/10.1016/j.proeng.2016.02.007	2	X	Procedia Engineering (ISSN: 1877-7058)	Scopus		Tập 142; trang 10-17	2016
31.	Evaluating the Powerful Prediction of Integrated Behavioral Model for Risky Road Behaviors	2	X	Procedia Engineering (ISSN: 1877-7058)	Scopus		Tập 142; trang 71-78	2016

	https://doi.org/10.1016/j.proeng.2016.02.015							
32.	A University-City Complex, a Model for Sustainable Development: A Case Study in Vietnam https://doi.org/10.1016/j.proeng.2016.02.018	2	X	Procedia Engineering (ISSN: 1877-7058)	Scopus		Tập 142, trang 92-99	2016
33.	Encouraging Public Transport Use to Reduce Traffic Congestion and Air Pollutant: A Case Study of Ho Chi Minh City, Vietnam https://doi.org/10.1016/j.proeng.2016.02.037	2		Procedia Engineering (ISSN: 1877-7058)	Scopus		Tập 142, trang 236-243	2016
34.	Investigating Pro-environmental Behavior: The Case of Commuting Mode Choice https://doi.org/10.1088/1755-1315/143/1/012067	2	X	IOP Conference Series: Earth and Environmental Science (ISSN: 1755-1315)	Scopus		Tập 143, số 1, mã 012067	Tháng 04 năm 2018
35.	Psychological models for development of motorcycle helmet use among students in Vietnam https://doi.org/10.1088/1755-1315/143/1/012057	4		IOP Conference Series: Earth and Environmental Science (ISSN: 1755-1315)	Scopus		Tập 143, số 1, mã 012057	Tháng 04 năm 2018
36.	Biofuels Potential for Transportation Fuels in Vietnam: A Status Quo and SWOT Analysis https://doi.org/10.1088/1755-1315/143/1/012065	2	X	IOP Conference Series: Earth and Environmental Science (ISSN: 1755-1315)	Scopus		Tập 143, số 1, mã 012065	Tháng 04 năm 2018
37.	The Association Between Risk-taking Behavior and Helmet Use Among Motorcyclist. https://doi.org/10.1088/1755-1315/143/1/012069	2	X	IOP Conference Series: Earth and Environmental Science (ISSN: 1755-1315)	Scopus		Tập 143, số 1, mã 012069	Tháng 04 năm 2018

38.	Framework Proposal of Smart City Development in Developing Country, A Case Study-Vietnam. https://doi.org/10.1007/978-3-031-10562-3_36	5	X	International Conference on Computational Science and Its Applications (ISSN: 0302-9743)	Scopus		Tập 13378; trang 507–519	Tháng 08 năm 2022
II.4 Bài công bố trên Kỷ yếu hội thảo khoa học trong nước								
39.	Vai trò của các trường đại học, viện nghiên cứu trong quá trình chuyển đổi số nền kinh tế, hướng đến phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam	3	X	Hội thảo “Quá trình chuyển đổi số của nền kinh tế Việt Nam: Công nghệ, thị trường và chính sách”, NXB Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh (ISBN: 978-604-922-910-7)			Trang 351-364	Tháng 11 năm 2020
40.	Tác động của chuyển đổi số trong phát triển đô thị: Cơ hội và thách thức cho Việt Nam	3	X	Hội thảo “Kinh tế Việt Nam trên con đường chuyển đổi số”, NXB Thông tin và Truyền thông (ISBN: 978-604-80-5744-2)			Trang 438-481	Tháng 09 năm 2021

- Trong đó: Số lượng 07 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS gồm: [8], [10], [11], [12], [15], [17], [22]; trong đó 03 bài thuộc danh mục ISI/Scopus gồm các bài có số thứ tự [15] và [17] là tác giả đứng đầu, bài có số thứ tự [22] là tác giả liên hệ.

- Về kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố thì các bài viết đã được thực hiện tương ứng với các hướng nghiên cứu sau:

- Hướng nghiên cứu 1: gồm 18 bài báo khoa học và báo cáo khoa học có số thứ tự [2], [3], [5], [11], [14], [16], [17], [23], [25], [26], [28], [29], [33], [34], [36], [38], [39], [40]. Trong đó, có 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau tiến sĩ: [11], [17].
- Hướng nghiên cứu 2: gồm 22 bài viết có số thứ tự [1], [4], [6], [7], [8], [9], [10], [12], [13], [15], [18], [19], [20], [21], [22], [24], [27], [30], [31], [32], [35], [37]. Trong đó, có 05 khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau tiến sĩ: [8], [10], [12], [15], [22].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Xây dựng chương trình đào tạo ngành Quản lý công - chương trình “Quản lý đô thị”, trình độ Thạc sĩ, mã số 8340403	Thành viên	Quyết định số 2591/QĐ-ĐHKT-ĐBCL của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 03/05/2018	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 2594/QĐ-ĐHKT-ĐBCL của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ngày 23/08/2018	
2	Xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đô thị thông minh và sáng tạo”, thuộc ngành Quản lý công, hệ Điều hành cao cấp, mã số 8340403	Chủ trì	Quyết định số 3720/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 16/11/2020	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 70/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ngày 07/01/2021	
3	Xây dựng chương trình đào tạo ngành “Kiến trúc đô thị”, trình độ đại học, mã số 7580104	Chủ trì	Quyết định số 492/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ký ngày 22/02/2021	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Quyết định số 509/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh ngày 24/06/2021	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
(hồ sơ ứng viên không có tiêu chuẩn nào không đủ so với quy định để cần đề xuất công trình khoa học thay thế).

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....
+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Trịnh Tú Anh